

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 01/2022/KDTM-GĐT
Ngày 10/02/2023
V/v: Tranh chấp về hợp đồng xây dựng
công trình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường;

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự và ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ninh Bình - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa: Bà Trần Thị Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 10/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên
tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp về hợp đồng
xây dựng công trình*”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Anh P; địa chỉ: số 207 đường T, phường
Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Thanh P- Chức vụ: Giám đốc.

Bị đơn: Công ty TNHH MTV Sinh học H Gia Lai; địa chỉ: Lô H7, Khu công
nghiệp T, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: bà Trần Thị Tuyết M - Chức vụ: giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hoàng Thanh P và
người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Hứa Thị Trung N trình bày:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Anh P (sau đây viết tắt là
Công ty Anh P) đã ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh
học H Gia Lai (sau đây viết tắt là Công ty H) Hợp đồng thi công xây dựng công
trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 về việc thi công xây dựng công trình
“*gói thầu số 2*” của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học tại lô H7,
khu công nghiệp T, thành phố P.

Công ty Anh P đã thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản của hợp đồng. Tại “*Biên bản xác nhận giá trị nghiệm thu thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 1*” ngày 17-01-2017, Công ty H đã xác nhận tổng giá trị nghiệm thu để thanh toán tính đến ngày 17-01-2017 là 3.899.249.000 đồng.

Đối chiếu với điều khoản về nghĩa vụ phải thanh toán thì đến ngày 02-02-2017, Công ty H phải thanh toán 3.899.249.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 04-4-2018, Công ty H mới chỉ thanh toán 3.500.000.000 đồng và không thanh toán số tiền còn lại là 399.249.000 đồng.

Ngày 20-4-2018, Công ty Anh P và Công ty H tiếp tục ký kết Phụ lục số 02 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016, để Công ty Anh P tiếp tục thực hiện xây dựng, lắp đặt bổ sung thêm hạng mục công trình cho nhà kho có kích thước 18m x 66m; lắp đặt và xây dựng mới nhà kho 18m X 30m và nhà kho 18m x 42m cho Công trình gói thầu số 2 của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học của Công ty H, tổng giá trị xây dựng và lắp đặt các nhà kho trên là 5.131.748.000 đồng, gồm xây dựng, lắp đặt bổ sung thêm hạng mục công trình cho nhà kho có kích thước 18m x 66m là 2.150.408.878 đồng; tổng giá trị gia công, xây lắp nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m là 3.061.339.248 đồng. Tuy nhiên, do giá vật liệu xây dựng tăng, nên sau khi lập Phụ lục số 02 thì cùng ngày 20-4-2018, Công ty Anh P và Công ty H còn lập “*Biên bản thỏa thuận v/v giá trị tăng thêm của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016*” hai bên đã thỏa thuận giá trị tăng thêm của xây dựng, lắp đặt bổ sung thêm hạng mục công trình cho nhà kho có kích thước 18m x 66m là 160.000.000 đồng (*chia đôi, mỗi bên chịu một nửa là 80.000.000 đồng*), giá trị tăng thêm của nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m là 195.000.000 đồng so với giá trị đã thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng và nghiệm thu ngày 20-4-2018.

Như vậy, đối với hạng mục bổ sung, xây dựng thêm nhà kho có kích thước 18m x 66m thì Công ty H phải thanh toán cho Công ty Anh P 2.230.408.878 đồng (2.150.408.878 đồng + 80.000.000 đồng tăng thêm), thời hạn thanh toán là 15 ngày kể từ ngày 20-4-2018. Tuy nhiên, hết thời hạn 15 ngày Công ty H vẫn chưa thanh toán.

Đối với nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m, thực hiện theo thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng, Công ty Anh P đã gia công hoàn chỉnh toàn bộ các bộ phận của hai cụm nhà kho trên. Công ty H cũng đã xác nhận và nghiệm thu kết cấu, nhưng vì Công ty H chậm trễ, nên Công ty Anh P không thể lắp đặt hai cụm nhà kho này. Chi phí gia công chiếm 50% giá trị của hai cụm kho trên. Việc không thể lắp đặt được hai cụm kho này đã gây thiệt hại cho Công ty Anh P số tiền 1.628.169.624 đồng.

Ngoài ra, Công ty H vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn Việt Nam để thực hiện dự án xây dựng Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học tại lô H7, khu công nghiệp T, thành phố P. Do Ngân hàng yêu cầu Công ty H phải đối ứng nguồn vốn hiện có để chứng minh năng lực tài chính thì Ngân hàng mới giải ngân cho khoản vay, nên quá trình Công ty Anh P thực hiện “*Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016*”, Công ty H đề nghị Công ty Anh P xuất hóa đơn giá trị gia tăng đối với các hạng mục công trình đang triển khai thực hiện để Công ty H đối ứng giải ngân với Ngân hàng, Công ty Anh P đồng ý và đã xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000107 ngày 21-02-2018 cho Công ty H với số tiền ghi trong hóa đơn là 12.417.907.000 đồng, Công ty Anh P cũng đã thanh toán 1.107.425.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ việc xuất hóa đơn trên.

Vì việc xuất hóa đơn này chỉ là để Công ty H đối ứng giải ngân với Ngân hàng, nên hai bên đã thỏa thuận là khoản tiền thuế giá trị gia tăng là 10% trên tổng hóa đơn và thuế thu nhập doanh nghiệp là 3% phát sinh từ hóa đơn nêu trên sẽ do Công ty H chi trả (*có văn bản thỏa thuận đề ngày 27-2-2018 kèm theo*). Tại bản “*Đối chiếu thanh quyết toán*” đề ngày 24-2-2018, bà Trần Thị Tuyết M, Giám đốc Công ty H đã xác nhận còn nợ Công ty Anh P 1.107.425.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ việc xuất hóa đơn trên. Tuy nhiên, sau đó Công ty H không thanh toán.

Do vậy, Công ty Anh P yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty Anh P các khoản tiền, gồm:

- Buộc Công ty H phải thanh toán 399.249.000 đồng tiền nợ thanh toán đợt 1 và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền này tính từ ngày 05-4-2018 đến khi ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng.

- Buộc Công ty H phải thanh toán 548.494.359 đồng tiền lãi do chậm thanh toán số tiền 3.899.249.000 đồng tính từ ngày 2-2-2017 đến ngày 4-4-2018 với mức lãi suất là 1%/tháng.

- Buộc Công ty H phải thanh toán 2.230.408.878 đồng đối với hạng mục bổ sung, xây dựng thêm nhà kho có kích thước 18m x 66m và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 05-5-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng.

- Buộc Công ty H phải thanh toán 58.600.000 đồng (*Công ty H lấy vật liệu xây dựng của Công ty Anh P, có bảng kê kèm theo*).

- Buộc Công ty H phải thanh toán 1.628.169.624 đồng tiền chi phí vật liệu, nhân công đối với hai cụm nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m.

- Buộc Công ty H phải thanh toán thêm 1.107.425.000 đồng khoản tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ xuất hóa đơn mà công ty Anh P đã đóng và Công ty H cam kết trả lại và đã nhận nợ ngày 24-2-2018 và tiền lãi do chậm thanh toán của số tiền này tính từ ngày 24-02-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1%/tháng.

-Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Hoàng Minh Phương trình bày:

Công ty H thừa nhận có ký kết với Công ty Anh P Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 về việc thi công xây dựng công trình “*gói thầu số 2*” của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học tại lô H7, khu công nghiệp T, thành phố P và Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 để Công ty Anh P tiếp tục thực hiện xây dựng, lắp đặt bổ sung thêm hạng mục công trình cho nhà kho có kích thước 18m x 66m; lắp đặt và xây dựng mới nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m cho Công trình gói thầu số 2 của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học của Công ty H.

Công ty H chỉ nợ Công ty Anh P khoảng trên 400.000.000 đồng tiền thi công công trình và 851.865.826 đồng là số tiền 10% thuế theo quy định. Công ty H chỉ đồng ý trả các khoản tiền này.

Đối với các khoản khác mà Công ty Anh P yêu cầu Công ty H phải trả là vô lý và không có căn cứ pháp luật.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Anh P. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh học H Gia Lai phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Anh P số tiền 7.528.523.918 đồng (gồm tiền nợ thanh toán đợt 1 là 399.249.000 đồng và tiền lãi là 167.019.165 đồng; tiền lãi của 3.899.249.000 đồng tính ngày 02-02-2017 đến ngày 04-4-2018 là 548.494.359 đồng; tiền thi công hạng mục bổ sung, xây dựng thêm nhà kho có kích thước 18m X 66m là 2.230.408.878 đồng và tiền lãi từ ngày 05-5-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 910.750.292 đồng; tiền vật liệu xây dựng là 58.600.000 đồng; tiền chi phí vật liệu, nhân công đối với việc gia công hai cụm nhà kho 18mx 30m và nhà kho 18m X 42m là 1.628.169.624 đồng; khoản tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ xuất hóa đơn mà Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Anh P đã đóng và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh học H Gia Lai cam kết trả lại và đã nhận nợ ngày 24-01-2018 là 107.425.000 đồng và tiền lãi của số tiền này tính từ ngày 24-02-2018 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 30-9-2021 là 478.407.600 đồng).

Kể từ ngày 30-9-2021, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh học H Gia Lai còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Anh P.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh học H Gia Lai được sở

hữu các bộ phận đã được gia công của cụm nhàSHIP 18m X 30m và cụm nhà kho 18m X 42m (hiện đang được cất giữ ở nhà kho của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sinh học H Gia Lai tại đường Trần Nhật Duật, thôn 2, xã Diên Phú, thành phố P, tỉnh Gia Lai, có mô tả kèm theo bản án sơ thẩm).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, các chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 13-10-2021, bị đơn là Công ty H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm không đánh giá đúng sự thật khách quan, kết luận của bản án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 13-10-2021, nguyên đơn là Công ty Anh P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: một số nhận định trong bản án không phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 13-10-2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 13-10-2021 với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Anh P yêu cầu Công ty H trả chi phí gia công 99.617.735 đồng phát sinh thực hiện nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18mx42m; không chấp nhận yêu cầu của Công ty Anh P về việc buộc Công ty H trả tiền thuế giá trị gia tăng và thuế doanh nghiệp với số tiền 1.107.425.000 đồng, xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng và yêu cầu bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng thi công xây dựng*”.

Tại phiên toà phúc thẩm ngày 11/5/2022, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã rút toàn bộ kháng nghị này.

- Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2022/KDTM-PT ngày 11/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

Sửa Bản án số 25/2021/KDTM-ST ngày 30/9/2021 của TAND thành phố P về phần tính lãi và án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau:

1. Buộc Công ty H Gia Lai phải trả cho Công ty Anh P tổng số tiền là: 7.327.201.969 đồng. Trong đó có:

- Hợp đồng số 01/2016/HĐ-XD ngày 13/7/2016 (đợt 1), số tiền 1.047.522.726 đồng (gồm có 399.249.000 đồng thi công thực tế và 648.273.726 đồng tiền lãi do chậm thanh toán).

- Nhà kho có kích thước 18m x 66m, tổng cộng 3.040.255.472 đồng (gồm có 2.230.408.878 đồng chi phí thực tế thi công và 809.846.594 đồng lãi do chậm thanh toán;

- Nhà kho có kích thước 18m x 30m và 18m x 42m, tổng cộng là

1.628.169.624 đồng (gồm 1.528.551.889 đồng chi phí vật liệu xây dựng và 99.617.735 đồng chi phí gia công).

- Vật liệu xây dựng là 58.600.000 đồng;

- Tiền nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tổng cộng 1.552.654.147 đồng (gồm tiền nộp thuế thay cho Công ty H Gia Lai là 1.107.425.000 đồng và 445.229.147 đồng lãi chậm thanh toán).

Kể từ ngày 30/9/2021, Công ty TNHH MTV sinh học H Gia Lai còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán với mức lãi suất theo qui định tại Điều 306 Luật thương mại cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty TNHH Anh P.

2. Công ty TNHH MTV sinh học H Gia Lai được nhận, sở hữu các bộ phận đã được gia công của cụm nhíp 18m x 30m và cụm nhà kho 18m x 42m (hiện đang được cất giữ tại nhà kho của Công ty TNHH MTV sinh học Minh Hoàng Gia Lai tại đường Trần Nhật Duật, thôn 2, xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (có mô tả tại phần quyết định).

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐKNPT-VKS-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và kháng cáo của Công ty TNHH MTV Anh P.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí.

- Ngày 30/5/2022, Công ty H Gia Lai đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2022/KDTM-PT ngày 11/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

Tại Quyết định số 07/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/12/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị giám đốc thẩm bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2021/KDTM-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng nghị và các khoản tiền thanh toán mà các bên còn tranh chấp thì thấy:

[1]. Đối với Hợp đồng số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 và Phụ lục hợp đồng số 02 (tương ứng với Phụ lục khối lượng giá trị).

Ngày 13-7-2016 Công ty Anh P và Công ty H đã xác lập Hợp đồng thi công

công trình số 01/2016/HĐ-Xp về việc thi công xây dựng công trình “gói thầu số 2” của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học tại lô H7, khu công nghiệp T, thành phố P với tổng giá trị của hợp đồng 8.760.952.000 đồng, kèm theo hợp đồng là Phụ lục khối lượng giá trị. Sau khi nhận bàn giao mặt bằng, Công ty Anh P đã tiến hành thi công công trình và đến ngày 17-01-2017 các bên đã xác nhận giá trị nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành đợt 1, Công ty H xác nhận tổng giá trị nghiệm thu phải thanh toán tính đến ngày 17-01-2017 là 3.899.249.000 đồng đối với nhà kho KT (30m x 60m). Tuy các bên đã xác nhận giá trị nghiệm thu, nhưng phía Công ty H vẫn chưa thanh toán; đến ngày 04-4-2018 bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn 3.500.000.000 đồng (ngay trong đơn đề nghị giám đốc thẩm đề ngày 30/5/2023, bị đơn đã thừa nhận “xác nhận theo đúng quy trình xây dựng và đúng với hồ sơ thanh quyết toán và đã được chúng tôi thanh toán 3.500.000.000 đồng), số tiền còn nợ lại 399.249.000 đồng chưa thanh toán. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 3.899.249.000 đồng và yêu cầu tính lãi, Toà án đã chấp nhận và cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần lãi suất chậm thanh toán, với tổng số tiền là 1.047.522.726 đồng, trong đó có 399.249.000 đồng thi công thực tế và 648.273.726 đồng tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ.

[2]. Sau khi thi công xong công trình nhà kho số KT (30m x 60m), phía Công ty Anh P tiếp tục thi công các hạng mục của Phụ lục hợp đồng số 02 và đến ngày 28-02-2018 giữa Công ty H, Công ty Anh P, Công ty TNHH tư vấn xây dựng V (tư vấn thiết kế) và Công ty TNHH tư vấn xây dựng V (tư vấn giám sát) xác nhận nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, trong quá trình thi công công trình, do một số hạng mục công trình không còn phù hợp nên các bên có thỏa thuận thay đổi, vì vậy, ngày 20-4-2018 Công ty H và Công ty Anh P xác lập Phụ lục hợp đồng số 02. Phụ lục này thể hiện:

Nhà kho KT (18m x 66m): 2.150.408.878 đồng.

Nhà kho KT (18m x 30m): 1.453.670.460 đồng

Nhà kho KT(18m x 42m): 1.607.668.788 đồng.

Tổng cộng: 5.211.748.127 đồng.

[2.1]. Cùng ngày 20-4-2018 hai Công ty còn thỏa thuận giá trị tăng thêm của nhà kho có kích thước 18m x 66m là 160.000.000 đồng, nhưng thỏa thuận chia đôi, mỗi bên chịu một nửa là 80.000.000 đồng. Vì vậy, giá trị thi công nhà kho có kích thước 18m x 66m là 2.230.408.878 đồng (2.150.408.878 đồng + 80.000.000 đồng).

Nguyên đơn trình bày rằng, trước khi ký văn bản thỏa thuận này, Công ty Anh P đã san lấp mặt bằng, làm móng và đã dựng khung kèo từ trước và sau khi ký thỏa thuận, Công ty Anh P tiếp tục hoàn thiện công trình; đến khoảng đầu tháng 07-2018, Công ty H đã đưa công trình vào sử dụng, đồng thời phía Công ty

Anh P đã gửi hồ sơ nghiệm thu công trình, nhưng Công ty H giữ luôn hồ sơ cho nên nhà kho có kích thước 18m x 66m không có biên bản đối chiếu khối lượng hoàn thành.

Lời khai của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ bởi tại Biên bản thỏa thuận ngày 20-4-2018 (bút lục 748) có xác nhận của bên chủ đầu tư là bà Trần Thị Tuyết M thể hiện nội dung; “Phần khung kèo đã được lắp dựng trước, do điều kiện thời gian và thời tiết nên có phần bị rỉ sét, bên nhà thầu chịu trách nhiệm sơn, sửa lại những phần rỉ sét, hư hỏng, đảm bảo cho công trình nhà kho như phần sắt thép mới”

Mặt khác, trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Công ty H còn trình bày “Công ty H thừa nhận có ký kết với Công ty Anh P Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ- XD ngày 13-7-2016 về việc thi công xây dựng công trình “*gói thầu số 2*” của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học tại lô H7, khu công nghiệp T, thành phố P và Phụ lục hợp đồng số 02 của Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 để Công ty Anh P tiếp tục thực hiện xây dựng, lắp đặt bổ sung thêm hạng mục công trình cho nhà kho có kích thước 18m x 66m; lắp đặt và xây dựng mới nhà kho 18m x 30m và nhà kho 18m x 42m cho Công trình gói thầu số 2 của nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học của Công ty H”(Bút lục số 244 đến Bút lục số 246).

Ngoài ra, nhà kho có kích thước 18m x 66m đã được Công ty Anh P vẽ hoàn công (bút lục 136 - 156) do ông Bùi Văn Bình là người lập; thời điểm đó ông Bùi Văn Bình được Công ty H Gia Lai cử làm người quản lý công trình và tư vấn giám sát là Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng V ký xác nhận. Việc nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã thực hiện xong nhà kho có kích thước 18m x 66m và đã làm hồ sơ thanh toán gửi cho chủ đầu tư nhưng chủ đầu tư không cung cấp số lượng và giá thanh toán phù hợp với Phụ lục Hợp đồng số 02 (Bút lục số 214 đến Bút lục số 217).

Hơn nữa, tại Biên bản lấy lời khai ngày 10-9-2020 ông Nguyễn Văn Bình trình bày: “Ông Bình biết việc Công ty H Gia Lai ký hợp đồng xây dựng với Công ty Anh P và đã tham gia xây dựng Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học của Công ty H Gia Lai. Ông Bình là người trực tiếp có mặt tại công trình trong quá trình thực hiện hợp đồng giữa hai bên. Về việc ngày 20-4- 2018, Công ty Anh P và Công ty H Gia Lai có lập phụ lục số 02 của Hợp đồng thi công xây dựng số 01 ngày 13-7-2016 để Công ty Anh P tiếp tục thực hiện xây dựng, lắp đặt xây dựng nhà kho 18m x 66m, lắp đặt mới 18m x 30m và 18m x 42m cho công trình Gói thầu số 02 của Nhà máy chiết ép và chế biến nhiên liệu sinh học của Công ty H Gia Lai thì ông Bình biết vì ông được Công ty H Gia Lai phân công dự án và thường xuyên có mặt tại công trình.

Đối với nhà kho 18m x 66m thì Công ty Anh P đã xây dựng hoàn thành và các bên đã nghiệm thu có cả đơn vị tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát Công ty TNHH TV XD V ký xác nhận, nhưng hồ sơ thanh toán thì Công ty H Gia Lai đang giữ.

Như vậy, việc Công ty Anh P đã thi công nhà kho có kích thước 18m x 66m là hoàn toàn đúng sự thật; việc bị đơn cho rằng không có sự việc thi công nhà kho có kích thước như trên là không có căn cứ.

Công ty Anh P có yêu cầu tính lãi của số tiền 2.230.408.878 đồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn thì sau khi ký biên bản thỏa thuận tăng thêm ngày 20-4-2018, Công ty Anh P tiếp tục thi công công trình và đến đầu tháng 07-2018 mới hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng, vì vậy khoản lãi chậm trả được tính từ ngày 01-7-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 30-9-2021 (1184 ngày) và như đã nhận định nêu trên về thỏa thuận về lãi của các bên, Tòa án cấp phúc thẩm tính lại cụ thể $2.230.408.878 \text{ đồng} \times 0,92\%/\text{tháng} \times 1184 \text{ ngày} = 809.846.594 \text{ đồng}$ là có căn cứ.

Như vậy, đối với nhà kho có kích thước 18m x 66m Công ty H còn phải thanh toán cho Công ty Anh P 2.230.408.878 đồng chi phí thực tế thi công và 809.846.594 đồng lãi do chậm thanh toán.

[2.2]. Đối với nhà kho có kích thước 18m x 30 m và 18m x 42m.

Phụ lục Hợp đồng số 01/2016/HĐ-XD ngày 13-7-2016 thể hiện cụm Nhà kho KT (18m x 30m) là 1.453.670.460 đồng và Nhà kho KT (18m x 42m) là 1.607.668.788 đồng. Tổng cộng: 3.061.339.248 đồng.

Tại Biên bản thỏa thuận ngày 20-4-2018 hai bên công ty thỏa thuận giá trị tăng thêm do giá vật liệu tăng lên của hai cụm nhà kho là 195.000.000 đồng. Sự thỏa thuận này có sự xác nhận của người đại diện theo pháp luật của Công ty Minh Hoàng là bà Trần Thị Tuyết M.

Công ty Anh P khai rằng thực tế đã bỏ ra chi phí để xây dựng, lắp đặt hai cụm nhà kho là 1.628.169.624 đồng bởi Phụ lục hợp đồng số 02 và biên bản thỏa thuận về việc tăng thêm như đã nêu trên, thế nhưng thực tế Công ty Anh P đã không thi công theo giá trị mà hai bên đã ký kết, nguyên nhân là do bị đơn chậm trễ không thanh toán số tiền còn nợ nên Công ty Anh P không thể lắp đặt hoàn thiện theo Phụ lục hợp đồng và biên bản thỏa thuận mà hai bên đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía Công ty Anh P đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hai cụm nhà kho. Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với hai cụm nhà kho có kích thước 18m x 30 m và nhà kho có kích thước 18m x 42m; kết quả xác định: Tại đường R, thôn 2, xã D, thành phố P có cất giữ các bộ phận đã được gia công của 2 cụm nhà kho này.

Như vậy, sự việc Công ty Anh P đã tiến hành chi phí gia công, thi công đối

với hai cụm nhà kho nêu trên là đúng thực tế, có căn cứ. Mặc dù vậy, để xác định chi phí thi công các công trình này cần phải căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu để chứng minh. Trong quá trình tham gia tố tụng, Công ty Anh P đã cung cấp cho Tòa án 06 Hoá đơn giá trị gia tăng trong thời gian từ ngày 21/9/2016 đến ngày 21/5/2018 với tổng số tiền 1.528.551.889 đồng.

Ngoài ra, Công ty Anh P còn khai rằng vào ngày 22-7-2016 công ty đã ký hợp đồng số 10/2016/HĐNC với ông Dương Xuân Q. Công ty Anh P là bên giao thầu và ông Dương Xuân Q là bên nhận thầu; các bên ký hợp đồng đó để bên nhận thầu thi công về việc sản xuất, lắp dựng trụ, vì kèo, lợp mái nhà xưởng. Tuy tổng giá trị của hợp đồng là 820.800.000 đồng, thế nhưng chi tiết của từng hạng mục thì nhà kho 18m x 30m là 108.000.000 đồng và nhà kho 18m x 42m là 151.200.000 đồng (Bút lục số 300 đến Bút lục số 307). Sau khi nguyên đơn và ông Dương Xuân Q ký hợp đồng, thực tế ông Q không thi công hết toàn bộ giá trị của hợp đồng mà chỉ gia công hết 99.617.735 đồng và số tiền này, nguyên đơn đã thanh toán cho ông Q.

Chính vì vậy, Công ty Anh P yêu cầu Công ty H phải thanh toán 1.628.169.624 đồng (1.528.551.889 đồng chi phí mua vật liệu xây dựng, có hóa đơn và 99.617.735 đồng chi phí gia công) là có căn cứ. Mặc dù nội dung kháng nghị cho rằng có một số hoá đơn có trước ngày giao kết hợp đồng nhưng việc Công ty Anh P sử dụng các nguyên vật liệu có trước này để thi công công trình này thì pháp luật không cấm. Đây chỉ là tình tiết chứng minh giá trị của nguyên vật liệu thi công.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 58.600.000 đồng tiền vật liệu xây dựng mà bị đơn lấy để xây dựng công trình phụ và 1.107.425.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ xuất hóa đơn và tiền lãi của 1.107.425.000 đồng.

- Đối với khoản vật liệu xây dựng, số tiền 58.600.000 đồng: Trong quá trình xây dựng công trình thì Công ty H đã lấy vật liệu xây dựng của Công ty Anh P còn lại để xây dựng các công trình phụ, đây là việc có thật nên Tòa án buộc Công ty H phải trả cho Công ty Anh P khoản tiền này là có căn cứ.

- Đối với số tiền 1.107.425.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ xuất hóa đơn và tiền lãi chậm thanh toán:

Tại Văn bản thỏa thuận đề ngày 27-02-2018 và văn bản “*Đối chiếu thanh quyết toán*” đề ngày 24-02-2018, người đại diện theo pháp luật của Công ty H là bà Trần Thị Tuyết M đã xác nhận số tiền mà Công ty H phải thanh toán công xây dựng cho Công ty Anh P là 5.006.674.000 đồng (trong đó: số tiền chênh lệch phải thanh toán VAT là 1.107.425.000 đồng và công nợ thực tế đã nghiệm thu đối chiếu là 3.899.249.000 đồng). Trong quá trình xét xử phúc thẩm, Công ty Anh P đã cung cấp cho Tòa án “*Giấy xác nhận không nợ thuế*” đề ngày 29-11-2021,

theo đó Chi cục thuế thành phố P xác nhận đến ngày 29-11 -2021 Công ty Anh P không còn nợ thuế.

Như vậy, có căn cứ để xác định Công ty Anh P đã nộp 1.107.425.000 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp thay cho Công ty H theo như thỏa thuận, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm buộc Công ty H phải trả lại cho Công ty Anh P khoản tiền này và chịu tiền lãi chậm trả tại thời điểm thanh toán như các bên đã thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng và tính từ ngày 24-02-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/9/2021) là 1.107.425.000 đồng X 0,92%/tháng X 1311 ngày = 445.229.147 đồng.

Tổng hợp tất cả các chứng cứ, nhận định nêu trên, thấy rằng khi xét xử, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn gồm tiền nợ thanh toán đợt 1 là 399.249.000 đồng, tiền thi công hạng mục bổ sung, xây dựng thêm nhà kho có kích thước 18m X 66m là 2.230.408.878 đồng, tiền vật liệu xây dựng là 58.600.000 đồng, tiền chi phí vật liệu, nhân công đối với việc gia công hai cụm nhà kho 18m x 30 m và nhà kho 18m X 42m là 1.628.169.624 đồng; tiền thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh từ xuất hóa đơn 1.107.425.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Việc bị đơn không thừa nhận phần nợ còn lại là không có căn cứ; đồng thời, Tòa án cấp phúc thẩm sửa khoản tiền lãi cho phù hợp với thời điểm tính lãi và sự thỏa thuận của các bên, đúng với qui định tại Điều 306 Luật thương mại. Vì vậy, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 1 Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/QĐ-VKS-KDTM ngày 19/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2022/KDTM-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, về vụ án kinh doanh thương mại “*Tranh chấp về hợp đồng xây dựng công trình*” giữa nguyên đơn là Công ty TNHH MTV Anh P với bị đơn là Công ty TNHH MTV Sinh học H Gia Lai.

2. Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 03/2022/KDTM-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Chánh án TAND cấp cao tại Đà Nẵng (để b/c);
- Vụ GDKT II-TANDTC;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- TAND TP P, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THA dân sự TP P, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP (Văn phòng); Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cường